

MỘT VÀI SUY NGHĨ VỀ HỆ THỐNG TÔN GIÁO BẢN ĐỊA Ở VIỆT NAM

ĐINH THỊ THANH HUYỀN^(*)

Trong lịch sử, tôn giáo luôn luôn là vấn đề nhạy cảm trong đời sống xã hội. Hiện nay, vấn đề tôn giáo không chỉ là lĩnh vực quan tâm của khoa học xã hội mà ngay cả một số ngành khoa học tự nhiên cũng nghiên cứu. Đặc biệt, trong thời điểm hiện nay, vấn đề tôn giáo càng trở nên nhạy cảm, gắn với nhiều mặt của đời sống xã hội. Người ta đang nói đến những xung đột tôn giáo dẫn đến xung đột dân tộc, xung đột chính trị... Nhà văn hoá học người Pháp A. Malraux cho rằng: “Phải đặt lại trên mảnh đất nghiên cứu mới, vấn đề quan hệ giữa sự kết thúc của những ảo tưởng về sự hiện đại hoá và *sự trở lại của tôn giáo*. Thế kỉ XXI là thế kỉ của tôn giáo hay không phải tôn giáo”⁽¹⁾.

Do điều kiện lịch sử, Việt Nam là một quốc gia có nhiều loại hình tín ngưỡng tôn giáo từ Tôtêm giáo, Ma thuật, Vật linh giáo, Saman giáo... đến các tôn giáo lớn có tổ chức như Phật giáo, Công giáo, Islam giáo, Tin Lành giáo, v.v... đều có mặt tại đây. Hiện tượng đa dạng tôn giáo này do mấy nguyên nhân chính sau: Thứ nhất, Việt Nam là một nước đa tộc người, mỗi tộc người có phong tục, tập quán, tín ngưỡng riêng bên cạnh nền văn hoá thống nhất mang tính quốc gia. Thứ

hai, Việt Nam là nơi chịu ảnh hưởng sâu đậm của hai nền văn minh ở Phương Đông là Trung Hoa và Ấn Độ, tiếp đó lại chịu thêm ảnh hưởng của văn minh Phương Tây. Những tôn giáo lớn như Phật giáo, Islam giáo, Kitô giáo vào Việt Nam chủ yếu từ các nền văn minh này.

Theo Đỗ Quang Hưng, hệ thống tôn giáo Việt Nam có thể chia thành ba nhóm chính: hệ thống tôn giáo bản địa, hệ thống tôn giáo nhập nội (Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo, Islam giáo, Kitô giáo) và hệ thống tôn giáo tích hợp. Ngoài 3 nhóm chính nói trên, trong vài thập kỉ gần đây, ở Việt Nam còn xuất hiện những hiện tượng tôn giáo mới.

Các tôn giáo đều có những đặc điểm sinh hoạt, phát sinh, phát triển riêng tạo nên cho đời sống tôn giáo Việt Nam sự phong phú, đa dạng. Bài viết của chúng tôi chỉ nêu lên một vài suy nghĩ bước đầu về hệ thống tôn giáo bản địa ở Việt Nam.

Hệ thống tôn giáo này gồm có ba cấp độ nhỏ: Tế tự quốc gia (Tế đàn Nam Giao, giỗ tổ Hùng vương, giỗ trận Đống

*. ThS., Viện Văn hoá

1. Dẫn theo: Viện Nghiên cứu Tôn giáo. *Những vấn đề tôn giáo hiện nay*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội 1993, tr.13.

Đa,...), Tế tự tại làng xóm (Thờ Thành hoàng), Thờ cúng tại gia (Thờ cúng Tổ tiên).

Đối với việc tế tự quốc gia, hình thức tế đàn Nam Giao do nhà vua làm chủ lễ tế Trời. Xuất phát từ đặc điểm tín ngưỡng Phương Đông, trong đó có Việt Nam, người ta suy tôn một cá nhân làm người đại diện tối cao cho toàn thể cộng đồng (quốc gia). Theo quan niệm truyền thống, người đó phải là người đứng đầu đất nước, là hoá thân của một vị thần linh được đầu thai xuống để trị vì thiên hạ. Người đó thường là con Trời (Thiên Tử) qua hình thức sinh nở thần kì như: sao sa vào bụng mẹ, chân mẹ ướm vào vết chân lạ, giấc mơ báo mộng, v.v... Nhà vua nửa thần, nửa người được suy tôn là người đại diện duy nhất của cộng đồng trước thần linh, có quyền bất khả xâm phạm, quyền lực đó được đồng nhất với quyền lực của cộng đồng. Vua - Thần cai quản cả người dân lẫn các thần linh “sinh sống” trong phạm vi lãnh thổ mà mình trị vì. Vì vậy, trong lễ tế đàn Nam Giao, một hình thức tế tự điển hình ở cấp quốc gia, chỉ có nhà vua mới được quyền đứng làm chủ tế để tế Trời - người cha, người đỡ đầu nhà vua cũng đồng thời là thần bản mệnh của cộng đồng.

Ở cấp độ thấp hơn, ở từng làng xã, đơn vị cơ sở của xã hội, hình thức thờ cúng thần địa phương như: thần thành hoàng, thần bản, thần mừng, thần núi, thần sông, v.v... là những thần bản mệnh của làng xã. Những vị thần này được nhà vua sắc phong để coi sóc dân chúng, dù là nhân thần hay nhiên thần, thường là người có công với đất nước. Đây là một đặc tính của tôn giáo Việt

Nam, phản ánh tinh thần yêu nước của con người Việt Nam qua các cuộc đấu tranh kiên cường chống thiên tai và ngoại xâm. Những người có công với nước thường được tôn vinh thành những vị thần bản mệnh của làng xã. Họ là những tướng lĩnh anh dũng trên trận mạc, những người đỗ đạt làm quan, những người khai phá đất đai lập làng, dạy nghề, làm vinh danh hay làm giàu cho làng xóm, quê hương. Đó là con người lịch sử với những công trạng được lưu trong sử sách. Nhưng cũng có những công trạng “hư ảo” của những nhiên thần. Trên đường đánh trận, nhà vua hay một vị tướng của triều đình được một vị thần nào đó, xuất xứ có thể là một cây gỗ mục, một người đàn bà chết trôi, một vong hồn, ... báo mộng cho biết kế đánh giặc, hoặc xin đi phò tá... Nhờ các nhiên thần trợ giúp, thắng trận trở về, nhà vua thưởng công phong cho làm thần thành hoàng.

Thành viên trong làng quy tụ xung quanh vị thần được nhà vua sắc phong, coi đó là người đại diện cho nhà vua, suy tôn làm thần bản mệnh của làng - thành hoàng làng. Vị thần này cai quản cả người trần tục lẫn các ma quỷ, thần thánh trong phạm vi được phụ trách. Hằng năm, vào dịp đầu xuân hay sau mùa thu hoạch, hoặc vào một ngày đã định, dân làng mở hội, nhằm khẳng định trật tự của chế độ xã hội hiện hành, tỏ lòng trung thành với nhà vua, củng cố ý thức cộng đồng của làng xã, cầu xin thần thành hoàng một năm yên lành, nhân an vật thịnh, mùa màng bội thu... Những trò diễn dân gian mang đặc tính địa phương xen lẫn các lễ thức tôn giáo được tổ chức trong các lễ hội

đều nhằm mục đích minh họa hay tôn thêm tính uy linh của phần lễ⁽²⁾. Người có bằng cấp Nho học cao nhất, được trọng vọng nhất trong làng, được người dân suy tôn làm Tiên chỉ, thay mặt cho dân làng làm chủ tế trong hội làng.

Như vậy, việc thờ cúng thần bản mệnh của quốc gia dân tộc (trời đất), cũng như thần bản mệnh của làng xã (thành hoàng làng), với những thần tích đã sử hay chính sử, ở một khía cạnh nhất định, đã góp phần củng cố, nâng cao ý thức cộng đồng. Tính tích cực cũng như tiêu cực của tôn giáo đan quyện nhau trong hình thức tôn giáo ở cấp quốc gia dân tộc, cũng như của cấp làng bản, đơn vị xã hội cơ sở của đất nước.

Đơn vị hạt nhân của xã hội (gia đình, dòng họ) được củng cố bằng hình thức thờ cúng tổ tiên. Người Việt Nam vốn trọng lễ nghĩa giống như tính cách chung của người Phương Đông là “trọng tình hơn trọng lý”. Với quan niệm tổ tiên sinh ra ông bà, ông bà sinh ra cha mẹ, cha mẹ sinh ra con cái, người con hiếu thảo phải biết ơn nghĩa sinh thành của cha mẹ, ông bà tổ tiên, tức là hiếu thảo với nguồn gốc sinh ra mình. Khi ông bà cha mẹ còn sống, con cháu phải phụng dưỡng, phải tuân theo những lời dạy bảo của những người đáng kính đó. Khi họ qua đời, ngoài việc lo ma chay, chôn cất, con cháu phải thờ cúng họ, cũng như thờ cúng các tổ tiên về trước.

Thờ cúng tổ tiên nghĩa là lập bàn thờ tại nhà và cúng bái trong những ngày sóc vọng, giỗ tết. Người Việt Nam, ngoài những tôn giáo của mình, đều thờ phụng tổ tiên, kể cả những người theo đạo Công giáo.

Đạo thờ cúng ông bà, tổ tiên theo nghĩa rộng “là hình thức tôn giáo chính thống của dân tộc Việt Nam nhằm củng cố tinh thần yêu đất nước, yêu quê hương, yêu gia đình, yêu dòng họ, trên cơ sở ơn sâu với vua Hùng, người có công dựng nước, với các vị vua - thần, với những người có công sinh dưỡng”⁽³⁾.

Đạo thờ cúng ông bà, tổ tiên đã cắm rễ sâu bên vào người nông dân, một tầng lớp chiếm gần 100% dân số trong xã hội trước đây và hiện nay chiếm hơn 70% dân số, khi làng xã nông thôn Việt Nam kết cấu khá đặc biệt mang tính chất vừa nông, vừa công, vừa thương. Kẻ sĩ đại diện cho tầng lớp trí thức trong làng là những thầy đồ, những nhà Nho am tường tình quê nghĩa xóm, còn bộ phận cư dân sống ở thành thị vẫn gắn liền với quê cha đất tổ. Những người tha hương, khi già vẫn muốn trở về quê hoặc khi qua đời vẫn muốn con cháu đưa mình về nơi “chôn rau, cắt rốn” để an táng.

Hệ thống tôn giáo bản địa Việt Nam được triển khai theo hai tuyến: chính thống và phi chính thống bao trùm lên toàn bộ hoạt động tôn giáo của cộng đồng. Do vậy, nó là lực hút các tôn giáo khác, khiến các tôn giáo nhập nội cũng như các tôn giáo tích hợp phải dựa trên nền tảng của dạng thức tôn giáo này để tồn tại. Đạo Phật chấp nhận việc thực hiện tham gia tang lễ, việc đặt bát hương trên chùa. Đạo Công giáo trước

2. Điều này thể hiện rất rõ trong các lễ hội truyền thống ở các làng xã Việt Nam. Chẳng hạn trong lễ hội Thánh Gióng ở Đông Anh, Hà Nội, người ta diễn lại cảnh Thánh Gióng đánh giặc Ân, mục đích cũng để các lớp con cháu đời sau thấy được công lao to lớn của vị thánh này đối với đất nước.

3. Viện Nghiên cứu Tôn giáo. Sđd, tr. 42-43.

đây không cho thờ cúng tổ tiên, nay cũng chấp nhận cho các tín đồ tôn kính tổ tiên. Còn đạo Hoà Hảo coi đạo tổ tiên như một trong những yếu tố chính, v.v...

Một đặc tính khác rất phổ biến của hệ thống tôn giáo bản địa Việt Nam là việc tôn thờ yếu tố nữ (mẹ, mẹ lúa, mẹ đất, nữ thần,...). Việc tôn thờ nữ thần như một yếu tố không thể thiếu được trong đời sống tôn giáo Việt Nam có thể giải thích bằng nhiều tác động xã hội vào tôn giáo: Vị trí của nữ giới được coi trọng trong đời sống sản xuất cũng như đời sống xã hội do tàn tích chế độ mẫu hệ tồn tại dai dẳng trong đời sống các tộc người ở Việt Nam. Hình ảnh ngôi nhà dài gồm nhiều gia đình hạt nhân cùng sống của đồng bào Ê Đê với người đứng đầu là một phụ nữ lớn tuổi, có kinh nghiệm là một trong những minh chứng rõ nét tàn dư của chế độ mẫu hệ còn ở Việt Nam. Cuộc sống nông nghiệp coi trọng yếu tố âm (Đất - Mẹ), thống nhất và đối lập với yếu tố dương (Trời - Cha), ý thức cộng đồng cao, ý thức yêu nước rất đậm nét thường được biểu dương là đất Mẹ, yếu tố nữ phổ biến mọi tâm thức tôn giáo của người dân.

Hiện nay, hệ thống tôn giáo bản địa ở Việt Nam đã có sự thay đổi do trật tự xã hội chứa đựng nó đã thay đổi. Hình bóng vua - thần đã mất đi cùng với chế độ phong kiến và được thay thế bằng biểu tượng vua Hùng, một vị vua nửa huyền thoại nửa có thực có công dựng nước. Lễ hội đền Hùng, mừng 10 tháng 3 âm lịch hàng năm, nay đã trở thành ngày Quốc lễ của đất nước. Ở cấp độ thấp hơn, các vị thành hoàng chỉ còn được tưởng niệm như những người có công với nước, với làng. Ngôi đình làng gần đây muốn giành lại vị trí của mình, với những kiến nghị của người dân, với sự xếp hạng di tích của Bộ Văn hoá - Thông tin, nhưng nó vẫn bị chèn lấn hay thay thế bởi các đền, chùa với các nghi lễ của Phật giáo, Đạo giáo và một số hình thức tín ngưỡng mê tín. Đạo thờ cúng tổ tiên chỉ còn được duy trì trong phạm vi gia đình, dòng họ, được đánh thức lại với phong trào xây dựng nghĩa trang, bia mộ cùng với việc tu sửa xây dựng lại nhà thờ họ, chép lại gia phả...

Như vậy, có thể thấy rằng, hệ thống tôn giáo bản địa ở Việt Nam đã và đang có những bước thay đổi cho phù hợp với xu thế chung của đất nước, của cuộc sống hiện đại./.